

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 01 tháng 6 năm 2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.
Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Út H; Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Cống số 2, khóm , phường Tân X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

** Bị đơn:* Anh Trương Minh H; Sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Định B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Lê Thị Út H trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:*

Chị Lê Thị Út H và anh Trương Minh H sống chung với nhau từ năm 1999, gia đình hai bên có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ, chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do bất đồng quan điểm, vợ, chồng không có tiếng nói chung, nguyên nhân chính anh H thường xuyên đi nhậu về nhà đánh đập vợ con nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành và chị H đã cho anh H nhiều cơ hội thay đổi. Hiện tại chị không sống chung với anh H từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị H xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị H xác định 02 người con chung cháu tên Trương Thị Ngọc N, sinh năm 2000 và cháu Trương Nguyệt N, sinh năm 2003, hiện các cháu đã trưởng thành không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

** Anh Trương Minh H:*

Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Minh H vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trương Minh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Chị H và anh H xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 1999, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị H xin ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị H xác định tình cảm không còn, xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị Lê Thị Út H và anh Trương Minh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H xác định 02 người con chung cháu tên Trương Thị Ngọc N, sinh năm 2000 và cháu Trương Nguyệt N, sinh năm 2003,

Do các cháu đã trưởng thành không yêu cầu cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận chị Lê Thị Út H với anh Trương Minh H là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu tên Trương Thị Ngọc N, sinh năm 2000 và cháu Trương Nguyệt N, sinh năm 2003, hiện đã trưởng thành không xem xét cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị H khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.
- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải nộp 300.000 đồng. Ngày 21/3/2022 chị H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001051 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai chị Lê Thị Út H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trương Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm